

**TỈNH ỦY AN GIANG
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Số 03-KH/BCĐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
An Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

**hành động thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025
của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết
số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
trên địa bàn tỉnh An Giang**

Thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tỉnh An Giang đã cụ thể hóa, triển khai và đạt nhiều kết quả quan trọng⁽¹⁾, đóng góp tích cực vào phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tỉnh ủy cập nhật, ban hành Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh, Hội đồng Tư vấn tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hạ tầng số được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu, các nền tảng số, các hệ thống ứng dụng dùng chung đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành, kết nối với hệ thống các sở, ngành và địa phương, bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có chuyển biến tích cực, gắn kết chặt chẽ với sản xuất và đời sống, nhất là công nghệ giống, tưới tiết kiệm, chế biến, bảo quản, truy xuất nguồn gốc được đẩy mạnh. Đổi mới sáng tạo bước đầu được thúc đẩy. Hợp tác, liên kết nghiên cứu, chuyển giao công nghệ được mở rộng với các viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên về vai trò của khoa học công nghệ và chuyển đổi số chưa đầy đủ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tuy có bước phát triển nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu, đổi mới công nghệ, thu hút nhân tài chưa đủ sức cạnh tranh. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, kỹ năng số hạn chế; nhiều nơi vẫn còn thiếu nhân lực chuyên trách nhất là về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, tình trạng kiêm nhiệm, thiếu đào tạo chuyên môn, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai thực hiện. Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin ở một số địa phương xuống cấp, thiếu đồng bộ.

¹ Quy mô kinh tế số tỉnh (năm 2024) đạt trung bình 6,11% GRDP của tỉnh.

Để triển khai thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động*); Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc và tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, để bứt phá, thúc đẩy phát triển tỉnh nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng, an ninh; đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng, huy động sức mạnh tổng hợp, chủ động tham gia của toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội trong đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Khai thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tạo chuyển biến mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số. Phấn đấu đạt mục tiêu đề ra.

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, thống nhất, tạo sức mạnh tổng hợp; xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện, có phân công rõ trách nhiệm vai trò của từng thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, có chỉ tiêu đo lường với cơ chế điều chỉnh linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, toàn diện. Đến năm 2030, An Giang có tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng; thuộc nhóm 20 các tỉnh, thành phố dẫn đầu trên cả nước về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền số; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, phục vụ tối

đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt cộng đồng của người dân. Đến năm 2045, An Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia; là tỉnh phát triển, có thu nhập cao so với bình quân chung của cả nước; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước về xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh, thành phố trong vùng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

a) Nâng tầm năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng⁽²⁾; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao hơn so với bình quân chung của cả nước, trong đó trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực đạt mức trung bình khá của cả nước. Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 20 cả nước.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 20% trong tổng số doanh nghiệp. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp khoa học, công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt tối thiểu 1,5% GRDP của tỉnh, trong đó tỷ lệ đóng góp từ khu vực tư nhân ngày càng tăng; bố trí ít nhất 3% trong tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 08 người/vạn dân⁽³⁾.

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình trên 10%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt trên 8%.

- Tích cực triển khai phổ cập các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm mang lại lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại; mỗi cơ quan, tổ chức có sử dụng tối thiểu một ứng dụng AI phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

b) Thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số và tăng trưởng

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.

- Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt tối thiểu 55%.

- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số⁽⁴⁾.

² Đã hình thành, triển khai 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (vùng nông nghiệp công nghệ cao Trung Sơn Kiên Giang; vùng lúa ứng dụng công nghệ cao Trung An Kiên Giang; vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Minh Phú Kiên Giang, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Bình Phú...); có 57 tổ chức và 07 doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ.

³ Đến năm 2025, số cán bộ khoa học và công nghệ nghiên cứu, phát triển đạt khoảng 7 người/vạn dân.

⁴ Có 44% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất; có

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử⁽⁵⁾.

c) Xây dựng chính quyền số và quản trị hiện đại

- Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh $\geq 0,75$ ⁽⁶⁾.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành⁽⁷⁾.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 80% trở lên⁽⁸⁾.

- 100% các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành từ 80% các mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan được xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, cơ sở dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%.

- Quản lý nhà nước từ tỉnh đến xã trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Phần đầu có 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường, đặc khu sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

d) Phát triển xã hội số và nâng cao chất lượng cuộc sống

- Phát triển xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số ở mức trung bình khá của cả nước; có môi trường số an toàn, nhân văn, bền vững, có thông tin dân cư được ứng dụng toàn diện trong mọi lĩnh vực.

- Có 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông⁽⁹⁾.

- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân $\geq 50\%$ ⁽¹⁰⁾.

- Giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80% (ưu tiên thực hiện trong một số lĩnh vực như giáo dục, y tế, dịch vụ công...)⁽¹¹⁾.

39% doanh nghiệp trong toàn tỉnh đầu tư xây dựng các website.

⁵ Tỉnh đã đưa vào vận hành Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tại địa chỉ <https://hotrodoanhnghiep.angiang.gov.vn>; đưa vào hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử <https://kigi.com.vn>, <http://angiang.sanviet.vn>.

⁶ Tỉnh An Giang (cũ) và Kiên Giang đạt lần lượt là: 0,56 và 0,67.

⁷ 100% các ngành, địa phương đã áp dụng quy trình xử lý công việc trên môi trường số thông qua các ứng dụng văn phòng điện tử, hệ thống thông giải quyết thủ tục hành chính, nền tảng ISO điện tử, hệ thống thông tin báo cáo...

⁸ Tỉnh An Giang (cũ) và Kiên Giang đạt lần lượt là: 17,95% và 74,4%.

⁹ Tỉnh Kiên Giang: có 63,47% dân số được quản lý, theo dõi sức khỏe điện tử bằng VNeID; xác thực thông tin người tham gia BHXH, BHYT, BHTN đạt 99,41%; 100% cơ sở giáo dục triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tỉnh An Giang (cũ): tỷ lệ xác thực thông tin người tham gia BHXH, BHYT, BHTN đạt 98,29%.

¹⁰ Tỉnh Kiên Giang: có 65,64% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID); tỷ lệ người dân có chữ ký số, chữ ký điện tử 7%. Tỉnh An Giang (cũ): trên 61% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID); tỷ lệ người dân có chữ ký số, chữ ký điện tử 5,87%.

¹¹ Tỉnh Kiên Giang: tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh đạt 62,45%; thu phí không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục đạt 99,33%; tỉnh An Giang (cũ): tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh đạt 61,16%.

- Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.

e) Hiện đại hóa hạ tầng và đảm bảo an toàn an ninh thông tin, dữ liệu

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại; phủ sóng 5G, 6G toàn tỉnh⁽¹²⁾.

- Chủ động khai thác, ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, bán dẫn, nano, thông tin di động 5G, 6G và một số công nghệ mới trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân.

- Nằm trong nhóm 20 các tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền số⁽¹³⁾; thuộc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2.2. Đến năm 2045

- Xây dựng nền khoa học, công nghệ tiên tiến, văn hóa đổi mới sáng tạo, khai thác cơ hội chuyển đổi số, góp phần đưa An Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia; là tỉnh phát triển, có thu nhập cao so với bình quân chung của cả nước; nông nghiệp xanh, y tế, giáo dục nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về mặt chất lượng, ứng dụng tiện ích số và thương hiệu mạnh; thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước về xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII).

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông rộng.

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP.

- Người dân được chăm lo về sức khỏe, học vấn, đời sống vật chất và tinh thần, môi trường sống sạch, hiện đại và văn minh.

- Thể chế hoàn thiện, nền quản trị hành chính tỉnh được đổi mới, minh bạch có hiệu lực, môi trường pháp lý trong sạch, thông thoáng.

- Tiềm lực quốc phòng, an ninh đảm bảo, xã hội ổn định.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh sử dụng công nghệ mới nhất.

- Hoàn thành cách mạng dữ liệu, đưa An Giang thành tỉnh giàu mạnh về dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; thuộc nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước về phát triển và triển khai các giải pháp AI mang lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại.

¹² Tỷ lệ phủ sóng 5G với 267 trạm; dự kiến sẽ phát triển thêm 400 trạm 5G trong năm 2025. An Giang (cũ): Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 6,81% với 146 trạm.

¹³ Tỉnh Kiên Giang: chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2023 của tỉnh xếp hạng 40/63 tỉnh, thành phố, trong đó, chính quyền số 18/63, kinh tế số 39/63 và xã hội số 39/63. Năm 2024, bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 85,79 điểm, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố, tăng 38 hạng so với năm 2023. Tỉnh An Giang (cũ): chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2023 của tỉnh xếp hạng 59/63 tỉnh, thành phố, trong đó, chính quyền số 57/63, kinh tế số 34/63 và xã hội số 54/63; Năm 2024, bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 85,76 điểm, xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 06 hệ thống, gồm 05 hệ thống chiến lược trọng yếu⁽¹⁴⁾ và hệ thống dự án đặc biệt quan trọng, gắn với các sáng kiến đột phá⁽¹⁵⁾ theo Kế hoạch hành động chiến lược của Ban Chỉ đạo Trung ương; Ban Chỉ đạo tỉnh đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò quản lý của nhà nước đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư, Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo tỉnh và các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện.

- Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Có tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố kết quả, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường công tác điều phối hoạt động của các sở, ngành, địa phương thông qua hệ thống cấp ủy các cấp, tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao. Chủ động nắm bắt tình hình, xu thế; kịp thời chỉ đạo chiến lược thông qua việc vận hành hiệu quả hệ thống báo cáo thời gian thực, gắn với hệ thống chỉ tiêu chiến lược.

- Chủ động rà soát, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, bất cập về cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và các kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương về hỗ trợ, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; nghiên cứu, đề xuất thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù (trường hợp cần thiết) để thúc đẩy hiệu quả triển khai.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang, cũng như làm chủ công

¹⁴ 06 hệ thống, gồm: (1) Hệ thống đổi mới thể chế và quản trị quốc gia (hệ thống 1); (2) Hệ thống phát triển công nghiệp, tự chủ về công nghệ (hệ thống 2); (3) Hệ thống an sinh và phúc lợi (hệ thống 3); (4) Hệ thống hạ tầng thông tin và dữ liệu (hệ thống 4); (5) Hệ thống năng lực sáng tạo và văn hóa đổi mới (hệ thống 5); (6) Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng (hệ thống 6).

¹⁵ Các sáng kiến đột phá là các nhiệm vụ mũi nhọn cụ thể trong các Hệ thống chiến lược trọng yếu và Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng, giữ vai trò định hướng, khi xây dựng các dự án, chương trình để triển khai các nhiệm vụ cụ thể; nhiều sáng kiến có thể được thực hiện đồng thời trong cùng một dự án; có tính linh hoạt, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

nghe cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Phối hợp ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Tiếp tục xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

2. Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chế độ quản trị hiện đại

- Chủ động, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách của địa phương trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và nghiên cứu, tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách có tính đặc thù, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương⁽¹⁶⁾ để khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn (sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền); được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư xã hội; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu. Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức công lập trong xây dựng hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phương thức hợp tác công tư; cho phép doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành, thương mại hóa kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập.

- Huy động sự tham gia các chủ thể trong xã hội (khu vực công và tư) đề xuất và đăng ký triển khai các giải pháp, sáng kiến định hướng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề xuất và thực hiện các biện pháp điều chỉnh, tháo gỡ, khuyến khích phù hợp ngay khi xuất hiện những yếu tố bất lợi hoặc nguy cơ phát sinh rủi ro.

- Nghiên cứu, hình thành và sử dụng hiệu quả các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; quỹ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với kinh phí phù hợp đảm bảo hoạt động tài trợ, cho vay,... triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được thuận lợi và hiệu quả.

¹⁶ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP, ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15, ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển KH-CN-ĐMST-CĐS quốc gia.

- Xây dựng mô hình quản trị hành chính tinh hiện đại, đồng bộ, thông suốt, gắn với tinh gọn tổ chức bộ máy, dựa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, các dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm cắt giảm tối đa chi phí hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

3. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

3.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là nhân lực chất lượng cao

- Rà soát triển khai, ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao, nhất là về trí tuệ nhân tạo. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội. Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong tình hình mới⁽¹⁷⁾; các đề án về phát triển nguồn nhân lực, nhân lực chuyển đổi số của Trung ương, của tỉnh⁽¹⁸⁾.

- Tập trung phát triển nhân lực trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch, logistics... gắn kết phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm như: kinh tế biển, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực của tỉnh, được liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI, triển khai mô hình “đào tạo theo đơn đặt hàng”.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học có đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ then chốt (chip bán dẫn, vi mạch, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây...). Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người địa phương ở trong và ngoài nước, để phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh hợp tác với các đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây... Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

¹⁷ Chương trình hành động của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

¹⁸ Quyết định số 146/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai các chính sách về tín dụng, học bổng và học phí của Trung ương, nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù của địa phương để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học; thu hút chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cốt lõi, chiến lược (bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, robot, tự động hóa, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và công nghệ số...).

- Triển khai thực hiện cơ chế đặc biệt, đặc thù nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

3.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, kỹ năng số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước theo quy định. Liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức trong và ngoài nước để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia...

- Tổ chức các chương trình đào tạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho khu vực công, doanh nghiệp và người dân; ưu tiên chương trình đào tạo ứng dụng, chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Triển khai ứng dụng các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân, hình thành nền tảng công dân số tỉnh An Giang; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân, xây dựng ứng dụng học tập suốt đời trên nền tảng công dân số tỉnh. Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số, nền tảng công dân số.

- Phổ cập, nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương¹⁹, Ban Chỉ đạo tỉnh về Phong trào “Bình dân học vụ số”, đảm bảo phù hợp, thiết thực. Xây dựng hướng dẫn việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số” trong các tổ chức cơ sở đảng; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị...

4. Chiến lược phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Tiếp tục phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Tập trung đầu tư phát triển các tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng quy mô, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động.

¹⁹ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng Chương trình nghiên cứu đột phá về phát triển các ngành, lĩnh vực chủ lực, tiềm năng của tỉnh như: kinh tế biển, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực của tỉnh, dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI... (bao gồm: xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, xây dựng những nội dung quan trọng nhằm phát triển các ngành, lĩnh vực, xác định nguồn vốn đầu tư công; chọn một hoặc hai lĩnh vực mũi nhọn để xây dựng chương trình nghiên cứu bài bản, có nguồn lực rõ ràng và gắn với sản phẩm thực tế, trong đó có sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp, các Trường Đại học hợp tác với tỉnh và các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh...).

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang. Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống. Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và chuyển giao các công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Từng bước hình thành và phát triển một số công trình phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng điểm với cấu trúc mở, sử dụng hỗn hợp, đa chức năng, như: Khu phức hợp giáo dục - khoa học - công nghệ cao; Trung tâm nghiên cứu kinh tế biển; Trung tâm nghiên cứu gen động, thực vật; Trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học...

- Thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Thực hiện các chính sách khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại An Giang. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, đãi ngộ, thu hút, phát hiện, ươm tạo và phát triển đội ngũ nhân tài khoa học, công nghệ cho tỉnh.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Nghiên cứu, phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số hoặc hình thành phát triển khu đô thị công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các lĩnh vực chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học,... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có thể mạnh, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

5. Chiến lược chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số

5.1. Triển khai Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phong cách công tác, lề lối làm việc hiệu quả, giảm thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức các cấp, góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số trong các cơ quan đảng đồng bộ, hiện đại. Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy tại Văn phòng Tỉnh ủy, bảo đảm hiện đại đồng bộ để triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ cho các cơ quan đảng. Tổ chức, triển khai kết nối vào các hệ thống thông tin, dữ liệu theo kiến trúc thống nhất, tập trung; ứng dụng công nghệ số đổi mới quy trình nghiệp vụ; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở.

- Ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số để đổi mới công tác hành chính, số hóa văn bản, tài liệu nghiệp vụ, quản trị... Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực thông tin theo quy định của pháp luật; phù hợp, tương đồng với chương trình chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số của tỉnh; chủ động ngăn chặn, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan đảng; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

5.2. Xây dựng chính quyền số, hình thành đô thị thông minh

- Triển khai tốt Đề án 06 về Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, theo chỉ đạo của Trung ương⁽²⁰⁾ và của tỉnh.

- Xây dựng, triển khai chương trình phát triển chính quyền số. Đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin các ngành, lĩnh vực; xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

²⁰ Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát triển các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số. Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến thông qua việc chuẩn hóa quy trình, tích hợp thanh toán không dùng tiền mặt, ký số từ xa, hỗ trợ người dân làm thủ tục qua các ứng dụng nhắn tin, chatbot, trợ lý ảo, Tổ Công nghệ số cộng đồng...

- Triển khai, đưa vào vận hành Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nền tảng số nhằm cung cấp các dịch vụ nền tảng cho toàn bộ hệ thống Chính quyền số. Phát triển các ứng dụng số cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên thiết bị di động thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giao dịch với cơ quan hành chính Nhà nước. Phát triển các nền tảng số dùng chung của tỉnh, liên thông, đồng bộ với các nền tảng số quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh, nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ người dân.

- Xây dựng và hình thành các đô thị thông minh theo định hướng của Trung ương; tập trung xây dựng hệ thống giao thông thông minh, số hóa tài nguyên, môi trường, giáo dục, y tế...

- Đẩy nhanh việc triển khai và đưa vào hoạt động Khu Công nghệ thông tin tập trung hoặc hình thành phát triển Khu đô thị công nghệ số tại các địa phương có đủ điều kiện; trong đó, quan tâm xây dựng chương trình trọng điểm phát triển các đô thị/đặc khu thông minh ở tỉnh An Giang (dự kiến tại Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc, Long Xuyên, Châu Đốc).

5.3. Phát triển kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Triển khai hiệu quả các nền tảng số an toàn, đa ngành trong các lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh của tỉnh (nông nghiệp, môi trường, công thương, xây dựng, văn hóa, du lịch...).

- Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: kinh tế biển, nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục,

du lịch...; chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng IoT để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, hỗ trợ rộng rãi ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường...

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số vào tổ chức quản lý và chuyển đổi phương thức hoạt động của nền kinh tế địa phương; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo, các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phổ biến, đẩy mạnh các giải pháp thanh toán trực tuyến trong hoạt động thương mại điện tử. Tổ chức phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công trong ứng dụng công nghệ số. Có kế hoạch phổ biến kiến thức về lộ trình, nội dung, cách thức thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số. Nghiên cứu thành lập khu, cụm, công viên công nghệ cao chuyên đề, tham gia vào chuỗi Công viên phần mềm khi đủ điều kiện.

5.4. Phát triển xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để hình thành công dân số, để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số. Xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh; phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội.

- Triển khai ứng dụng các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân, hình thành nền tảng công dân số tỉnh An Giang; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân, xây dựng ứng dụng học tập suốt đời trên nền tảng công dân số tỉnh. Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số, nền tảng công dân số.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường ứng dụng AI để phục vụ cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe và dân trí.

- Thu hút đầu tư phát triển các khu, cụm dân cư, đô thị thông minh, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương.

- Triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho lãnh đạo các doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Phổ cập kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số đến toàn dân⁽²¹⁾, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển xã hội số, góp phần thực hiện chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghiên cứu thí điểm, nhân rộng mô hình chuyển đổi số. Chỉ đạo lựa chọn một số xã/phường triển khai thí điểm chuyển đổi số, từ đó rút kinh nghiệm và nhân rộng (phải khẳng định lợi ích của chuyển đổi số bằng việc ứng dụng công nghệ số cung cấp một số dịch vụ thiết yếu, phục vụ hiệu quả đời sống người dân như tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, giáo dục trực tuyến, giao thông, tài nguyên môi trường...).

- Tổ chức tư vấn, đào tạo miễn phí về bán hàng online, viết mô tả sản phẩm, livestream, chăm sóc khách hàng... Ưu tiên đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, nông sản sạch... lên các nền tảng thương mại điện tử. Hỗ trợ thiết kế logo, bao bì, nhãn hiệu, mã QR, mã số mã vạch - tăng nhận diện thương hiệu trên môi trường điện tử.

5.5. Ưu tiên chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

Tập trung nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong một số lĩnh vực có nhu cầu cao, có lợi thế cạnh tranh tại địa phương nhằm phát triển kinh tế - xã hội; tập trung các ngành, lĩnh vực:

- *Về Giáo dục thông minh:* Ứng dụng mạnh mẽ các nền tảng số để nâng cao quản trị, điều hành, dạy và học thông minh. Hình thành nền tảng công dân số tỉnh An Giang; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân, xây dựng ứng dụng học tập suốt đời trên nền tảng công dân số tỉnh. Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số, nền tảng công dân số. Ứng dụng nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa; nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập, thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- *Về Y tế thông minh:* Phát triển hệ thống y tế thông minh, toàn diện, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe hiệu quả, kịp thời thông qua ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn. Ứng dụng nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế; 100% các cơ sở y tế tuyến tỉnh, xã có bộ phận khám chữa bệnh từ xa. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số tại các cơ sở khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, từng bước hình thành

²¹ Theo kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo tỉnh.

các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong khám chữa bệnh.

- *Về Nông nghiệp xanh và thông minh*: Triển khai hệ thống cảm biến, camera, IoT để giám sát môi trường canh tác (đất, nước, dinh dưỡng, dịch bệnh...). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo năng suất, dịch bệnh cây trồng vật nuôi. Sử dụng thiết bị bay không người lái (drone), robot, tự động hóa trong khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch. Lựa chọn một vài sản phẩm chủ lực của tỉnh (lúa, xoài, cá tra...) để xây dựng mô hình thí điểm nông nghiệp số. Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng nông nghiệp công nghệ số của tỉnh; ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh.

- *Về Môi trường xanh và Đô thị thông minh*: Xây dựng mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường, phát triển hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh bằng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, như: Cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu về quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn... Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

- *Về Giao thông thông minh*: Triển khai hệ thống giám sát giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, quốc lộ, tỉnh lộ; chuyển đổi các hạ tầng logistics, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics.

- *Về Công nghiệp, công nghệ*: Vận dụng hiệu quả, phù hợp các chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược của quốc gia (bán dẫn, vật liệu tiên tiến, công nghệ lượng tử, điện hạt nhân, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ gen, năng lượng sạch, thiết bị thông minh...) trong phát triển ngành, lĩnh vực có thế mạnh, tiềm năng của tỉnh. Phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp có ứng dụng kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội. Khuyến khích xây dựng nhà máy thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

- *Về Lao động, an sinh xã hội*: Xây dựng hệ thống thông tin về nguồn nhân lực, nguồn cung, cầu lao động, thông tin các đối tượng xã hội, hệ thống chi trả chính sách cho các đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý, thống kê và dự báo tình hình cung, cầu lao động.

- *Về Văn hóa, du lịch*: Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số phục vụ, nâng cao chất lượng sống cho người

dân thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... Triển khai số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch trọng điểm để quảng bá hình ảnh tỉnh An Giang. Chuẩn hóa các nội dung số kết hợp với công nghệ 3D, 4D, 5D để giới thiệu hình ảnh văn hóa du lịch của tỉnh và phát triển ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động thông minh.

6. Truyền thông, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội

- Thực hiện tốt công tác truyền thông về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số”⁽²²⁾ trong toàn hệ thống chính trị, toàn xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử của cơ quan Đảng, Nhà nước, các nền tảng mạng xã hội. Huy động người có ảnh hưởng trong cộng đồng tham gia truyền thông, lan tỏa Phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số”. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong tiến trình chuyển đổi số. Triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày chuyển đổi số của tỉnh). Kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng. Xây dựng các quy định, hướng dẫn về khung kỹ năng số, công tác thi đua, khen thưởng, chính sách đặc thù thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan truyền thông đại chúng trong việc xây dựng, sản xuất và phát sóng các chương trình đa phương tiện, truyền thông chuyên đề nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung, tinh thần và kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội.

- Xây dựng và lan tỏa văn hóa đổi mới sáng tạo, tôn vinh các giá trị mới, các điển hình tiên tiến, tấm gương dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới; từng bước thấm nhuần và lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo tới từng gia đình, từng cộng đồng dân cư và từng cấp chính quyền, tạo nền tảng tinh thần mạnh mẽ cho sự phát triển địa phương trong giai đoạn mới. Xây dựng hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo toàn diện, lấy con người làm trung tâm, kiến thức làm nền tảng và văn hóa đổi mới sáng tạo làm động lực. Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, giàu trí tuệ, tư duy mở, sáng tạo, đam mê sáng tạo, cống hiến, có khả năng giải quyết các bài toán lớn, đề ra các quyết sách chiến lược cho tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số, để xây dựng, phát triển văn hóa sáng tạo, giàu bản sắc; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, lan tỏa văn hóa đổi mới trong toàn xã hội. Xây dựng văn hóa trách nhiệm, phổ cập kiến thức, chủ động sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, tổ chức khoa học, công nghệ và cơ sở giáo dục đại học.

²² Kế hoạch số 04-KH/BCĐ, ngày 13/6/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”.

7. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp hợp tác và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài và những công nghệ sản xuất sản phẩm mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh; nghiên cứu thực hiện mô hình hợp tác với một hoặc vài trường đại học trong nước, lập một nền tảng tích hợp để tập hợp được các trường đại học trong và ngoài nước, các doanh nghiệp cùng với các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh để cùng nhau thực hiện các nghiên cứu, giải pháp về công nghệ, đổi mới sáng tạo, đô thị thông minh, sáng chế trên nền tảng đồng sáng tạo - cùng làm - cùng tìm các quỹ để thực hiện.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung,...

- Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh. Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

IV- LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

Để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tập trung nguồn lực trong tổ chức thực hiện, Kế hoạch hành động được triển khai theo các giai đoạn cụ thể, gắn liền với các nhiệm vụ trọng tâm đã được xác định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Lộ trình này mang tính định hướng, sẽ được Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ xem xét, đánh giá và điều chỉnh linh hoạt trên cơ sở kết quả thực hiện, tình hình thực tiễn và những yếu tố mới phát sinh trong quá trình triển khai.

1. Giai đoạn 2025 - 2027: Xây dựng nền tảng, tạo đột phá ban đầu

Tập trung triển khai các nhiệm vụ cấp bách nhằm tạo lập nền móng vững chắc về thể chế, hạ tầng, nhận thức và khởi động các giải pháp trọng tâm, đột phá có tính lan tỏa cao. Mục tiêu trọng tâm:

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp, hiệu quả. Ưu tiên việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị: Triển khai mạnh mẽ, sâu rộng Phong trào “Bình dân học vụ số”, các chương trình truyền thông, đào tạo, phổ biến kiến thức; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

- Khởi động xây dựng hạ tầng và nền tảng chủ chốt: Triển khai các kế hoạch phát triển hạ tầng số (5G, 6G, cáp quang, Trung tâm dữ liệu tỉnh...), nền tảng số, cơ sở dữ liệu cốt lõi. Tích cực tham gia cùng với Trung ương thực hiện, ứng dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu cốt lõi.

- Phát triển nguồn nhân lực ban đầu: Xây dựng và ban hành các đề án, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn...

- Thúc đẩy Chính quyền số và dịch vụ công: Tăng cường số hóa quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hỗ trợ doanh nghiệp bước đầu: Vận dụng, ban hành các tiêu chí, đề án hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số và phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Tham gia cùng với Trung ương thực hiện Hệ thống dự án đặc biệt quan trọng (Hệ thống 6) phù hợp với điều kiện của địa phương, ưu tiên triển khai một số sáng kiến đột phá về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong y tế, giáo dục...

2. Giai đoạn 2028 - 2030: Tăng tốc, mở rộng, đạt mục tiêu đến năm 2030

Tập trung triển khai diện rộng, hoàn thiện các hệ thống và ứng dụng sâu rộng các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các mặt đời sống kinh tế - xã hội, hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể đến năm 2030. Mục tiêu trọng tâm:

- Thực thi và hoàn thiện thể chế: Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, pháp luật của Trung ương ban hành; quá trình thực hiện, thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh phù hợp.

- Hiện đại hóa hạ tầng toàn diện: Phủ sóng 5G, 6G toàn tỉnh, vận hành hiệu quả các Trung tâm dữ liệu tỉnh, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông suốt, hình thành hạ tầng IoT rộng khắp; đạt các chỉ tiêu về hạ tầng số.

- Đột phá về năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đạt các mục tiêu về đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), nhân lực R&D. Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thiện Chính quyền số và xã hội số: Đạt các mục tiêu về dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, kỹ năng số, công dân số; phát triển đô thị thông minh.

- Nâng cao năng lực quốc phòng, an ninh: Đạt mục tiêu về xếp hạng an toàn thông tin mạng, làm chủ công nghệ lưỡng dụng, tự động hóa chỉ huy.

3. Giai đoạn 2031 - 2045: Phát triển nhanh, bền vững, hội nhập sâu rộng

Trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm quá trình triển khai ở các giai đoạn trước, Ban Chỉ đạo tỉnh sẽ tổ chức đánh giá toàn diện kết quả thực hiện, làm căn cứ để điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hành động, xác định lộ trình và các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tình hình mới và yêu cầu phát triển của địa phương.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh

- Chỉ đạo, định hướng, phê duyệt và tháo gỡ kịp thời các rào cản trong triển khai thực hiện và điều chỉnh Kế hoạch hành động khi cần thiết.

- Chỉ đạo xây dựng, vận dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá của Trung ương; xem xét, quyết định thực hiện các giải pháp, định hướng, quyết sách của các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Hội đồng tư vấn tỉnh, Tổ giúp việc, các ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực, các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, tổ chức theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tỉnh trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, chiến lược.

- Chỉ đạo giám sát, đánh giá kết quả tổng thể việc thực hiện Kế hoạch hành động dựa trên hệ thống chỉ tiêu (KPIs) chiến lược theo hướng dẫn của Trung ương.

- Chỉ đạo công tác đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh

- Chủ động đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo tỉnh về các chủ trương, giải pháp, sáng kiến đột phá, dự án gắn với lĩnh vực, địa bàn được phân công trực tiếp phụ trách, quản lý; bảo đảm các sáng kiến đột phá, dự án phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động này.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; đề xuất Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét, giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Hội đồng Tư vấn tỉnh

- Nghiên cứu tư vấn, đề xuất cho Ban Chỉ đạo tỉnh việc vận dụng các chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách và các nhiệm vụ chiến lược, giải pháp, sáng kiến đột phá của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện tình hình của tỉnh; quá trình thực hiện thường xuyên rà soát, đề xuất bổ sung, điều chỉnh phù hợp, khả thi.

- Nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động; được mời tham gia các cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh khi có yêu cầu; được cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ được giao. Có trách nhiệm bảo mật thông tin trong quá trình tham gia hoạt động; được mời cử tham gia tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho các sáng kiến, chương trình, dự án khi có yêu cầu; tham gia xây dựng, soạn thảo các báo cáo chuyên môn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo tỉnh.

4. Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất kịp thời với Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về chủ trương, định hướng, giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng và Đề án 06.

- Tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo và những nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh giao; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Tiếp nhận những đề xuất sáng kiến, định hướng từ các sở, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đề nghị các cơ quan chức năng xem xét đánh giá, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét quyết định; theo dõi giám sát quá trình triển khai.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, định hướng và các giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

5. Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh

- Chủ trì triển khai thực hiện nội dung Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương (tại Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024), có trách nhiệm tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Phối hợp các ngành, đơn vị liên quan đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh những chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Phối hợp các ngành liên quan tổng hợp, cập nhật, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tại địa chỉ <https://nq57.vn>, theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương.

6. Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn khách quan của tỉnh; tăng cường giám

sát và phối hợp đồng bộ, tạo đồng thuận xã hội trong thực hiện. Định kỳ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh.

7. Đảng ủy Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng văn hóa sáng tạo và đổi mới, hình thành hệ thống giá trị mới, tinh thần yêu khoa học, dám nghĩ, dám làm, tôn vinh tinh thần cống hiến, thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn xã hội; theo dõi, giám sát, phản biện việc thực hiện. Định kỳ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh.

8. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hành động này phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; định kỳ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh hằng năm có hình thức cụ thể hóa trong các nghị quyết, kế hoạch phù hợp và định kỳ sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm chỉ đạo.

9. Các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng ủy trực thuộc có trách nhiệm tổ chức bộ máy giúp việc, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động này và xây dựng các nhiệm vụ, dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, đơn vị; định kỳ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh. Kiểm tra, giám sát và sơ, tổng kết việc thực hiện (lồng ghép vào báo cáo của cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương).

Kế hoạch này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các kế hoạch có liên quan đã ban hành trước đây. 

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo (để b/c),
- Thành viên Ban Chỉ đạo, Hội đồng tư vấn, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- ĐU, UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Nguyễn Thanh Nhàn

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI,
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, ngày 29/9/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
A	Nâng tầm năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Đạt mức tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức cao hơn bình quân trung bình của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
3	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	Nằm trong nhóm 20 cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
4	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	> 20	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
5	Thu hút tổ chức, doanh nghiệp khoa học, công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh		ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp	Sở Tài chính (thành viên BCD tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
6	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	1,5	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính (thành viên BCD tỉnh)
7	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh	% tổng chi NSNN	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính, thành viên BCD tỉnh (thành viên BCD tỉnh)
8	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	> 8	Sở Khoa học và Công nghệ, (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
9	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực, vùng	Tổ chức	≥ 02	Sở Khoa học và Công nghệ, (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
10	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ, (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
11	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	≥ 8	Sở Khoa học và Công nghệ, (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
12	Tích cực triển khai phổ cập các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm mang lại lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại	Giải pháp	Mỗi cơ quan, tổ chức có sử dụng tối thiểu một ứng dụng AI phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính	Sở, ban, ngành, địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
B	Thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số và tăng trưởng			
1	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
2	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Sở Tài chính, Chi Cục Thống kê (thành viên BCD tỉnh)
3	Doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số	%	$\geq 60\%$	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính (thành viên BCD tỉnh)
C	Xây dựng chính quyền số và quản trị hiện đại			
1	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
2	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
3	Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành từ 80% các mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng	%	100	Văn phòng Tỉnh ủy; Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy
4	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	trên môi trường điện tử			
4.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
4.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
4.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
4.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
4.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
4.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
4.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
4.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên	%	100	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	môi trường điện tử			giúp việc)
4.9	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh (thành viên BCD tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc)
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan được xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ	%	100	Sở, ban, ngành tỉnh
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, cơ sở dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	Đạt 80	Sở, ban, ngành, địa phương
7	Quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
8	Đảng ủy, chính quyền xã, phường, đặc khu sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	100	Các Đảng ủy, UBND xã, phường, đặc khu
D	Phát triển xã hội số và nâng cao chất lượng cuộc sống			
1	Phát triển xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số	Thứ bậc	ở mức trung bình khá của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
2	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	90	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang, Sở Xây dựng (thành viên BCD tỉnh)
3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	80	Công an tỉnh (thành viên BCD tỉnh)
4	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15
5	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
7	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế (thành viên BCD tỉnh)
E	Hiện đại hóa hạ tầng và đảm bảo an toàn an ninh thông tin, dữ liệu			
1	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ; các xã, phường, đặc khu
1.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
1.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	99	Sở Khoa học và Công nghệ; các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
2	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các đặc khu, địa phương có đủ điều kiện	Đặc khu, địa phương	05 (Phú Quốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc)	Sở Khoa học và Công nghệ; các xã, phường, đặc khu
3	Thu hút tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn, hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 01	Sở Tài chính (thành viên BCD tỉnh)
4	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an tỉnh (thành viên BCD tỉnh)
5	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Công an tỉnh (thành viên BCD tỉnh)
6	Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	≥ 01	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành tỉnh
7	Năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền số	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
II	Đến năm 2045			
1	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
2	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	≤ 10	Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
3	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1.000 dân	1	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
4	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn, hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 3	Sở Tài chính (thành viên BCD tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc)
5	Phát triển và triển khai các giải pháp AI mang lợi ích cao cho xã hội, người dân và quản trị hiện đại		Xếp hạng ở nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu	Sở, ngành, địa phương

Phụ lục II
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, ngày 29/9/2025
của Ban Chỉ đạo tỉnh)*

I- Nhóm nhiệm vụ về nâng cao nhận thức và tuyên truyền

1. Xây dựng Kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan bảo đảm đa dạng hình thức quán triệt.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.
- Thời gian: Hoàn thành trong Quý IV năm 2025.

2. Xây dựng tài liệu tuyên truyền, học tập, nghiên cứu Nghị quyết số 57-NQ/TW; trong đó nêu bật, làm rõ những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi, các định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm mới trong Nghị quyết, phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến để thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
- Thời gian: Hoàn thành trong Quý IV năm 2025.

3. Xây dựng các chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và thường xuyên phản ánh thông tin, tuyên truyền, tôn vinh những cá nhân tiêu biểu, điển hình trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan báo chí địa phương, mạng xã hội và hệ thống thông tin truyền thông của tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong Quý IV năm 2025.

4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

5. Phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong đội ngũ công chức, viên chức, học sinh, sinh viên toàn ngành, tạo sự lan tỏa tích cực ra cộng đồng.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Hoàn thành trong Quý IV năm 2025.

II- Nhóm nhiệm vụ về cơ chế, chính sách

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định; cụ thể:

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị định số 88/2025/NĐ-CP, ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh để tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo ra môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh.

2. Triển khai cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

3. Rà soát triển khai, ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

4. Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn (sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền); được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

5. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại tỉnh An Giang. Đồng thời, thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, điều chỉnh hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách khi Trung ương có hướng dẫn và quy định mới.

III- Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Xây dựng các Chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông theo đuổi các ngành khoa học, kỹ thuật để chủ động,

chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó tập trung phát triển nhân lực trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch, logistics... gắn kết phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm như: kinh tế biển, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực của tỉnh, dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI,...

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

3. Xây dựng Chương trình, kế hoạch triển khai nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Triển khai phổ cập, nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh về phong trào “Bình dân học vụ số” đảm bảo phù hợp, thiết thực.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

5. Xây dựng, triển khai Chương trình, kế hoạch hợp tác với Bộ, ngành, các tập đoàn lớn về chuyển đổi số, các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây... Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2026.

6. Triển khai thực hiện cơ chế đặc biệt, đặc thù nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

IV- Nhóm nhiệm vụ về bố trí vốn, đầu tư hạ tầng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hướng tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn

trải. Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Huy động các nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển hạ tầng số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư cho hạ tầng số và các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

3. Xây dựng, đầu tư hạ tầng công nghệ số hiện đại, an toàn và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Xây dựng và vận hành các đô thị thông minh tại địa phương, đặc khu đủ điều kiện

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

V- Nhóm các nhiệm vụ phục vụ thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

1. Nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tại tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Xây dựng Chương trình nghiên cứu đột phá về phát triển các ngành, lĩnh vực chủ lực, tiềm năng của tỉnh như: kinh tế biển, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực của tỉnh, dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI... (bao gồm: xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, xây dựng những nội dung quan trọng nhằm phát triển các ngành, lĩnh vực, xác định nguồn vốn đầu tư công; chọn một hoặc hai lĩnh vực mũi nhọn để xây dựng chương trình nghiên cứu bài bản, có nguồn lực rõ ràng và gắn với sản phẩm thực tế, trong đó có sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp, các Trường Đại học hợp tác với tỉnh và các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh...).

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong Quý IV năm 2025.

3. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Nghiên cứu, phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số hoặc hình thành phát triển khu đô thị công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

VI- Nhóm các nhiệm vụ phục vụ cho đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số

1. Xây dựng, triển khai Đề án/kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Tỉnh ủy.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2026.

2. Xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

3. Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý hành chính, xây dựng chính quyền số, hình thành đô thị thông minh. Phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung, phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

4. Triển khai, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh của tỉnh (nông nghiệp, môi trường, công thương, xây dựng, văn hóa, du lịch...).

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

5. Ban hành, triển khai Kế hoạch thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong tháng 10 năm 2025.

6. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển xã hội số số giai đoạn 2026 - 2030.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian: Hoàn thành trong năm 2025.

7. Xây dựng, triển khai Chương trình/Đề án/Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh hằng năm hoặc theo giai đoạn

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.



- Thời gian: hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Triển khai Dự án: “Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc”

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: 2025 - 2027.

VII- Nhóm nhiệm vụ phục vụ hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

2. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung,...

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

3. Tổ chức học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian: Thực hiện thường xuyên.

